

Hãy cùng làm "Sơ đồ từ vựng"!

[Truy cập bản gốc \(Tiếng Nhật\) ở đây](#)

Khái quát

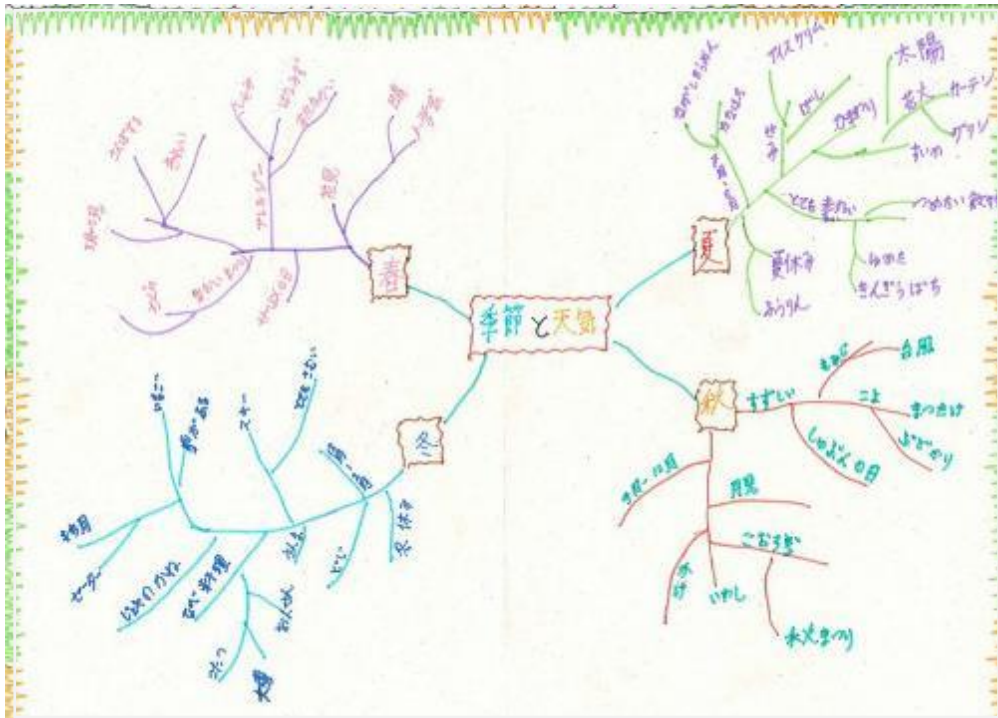
Mục đích
<ul style="list-style-type: none">• Liên kết từ vựng đã học, ghi nhớ từ mới một cách trực quan, không máy móc
Đối tượng, trình độ
<ul style="list-style-type: none">• Không yêu cầu trình độ nhưng nếu đạt trình độ trên A2 theo tiêu chuẩn giáo dục tiếng Nhật JF sẽ dễ tiến hành hơn
Số lượng người học trong lớp
<ul style="list-style-type: none">• Không giới hạn
Đồ dùng cần chuẩn bị
<ul style="list-style-type: none">• Giấy A3, bút màu

Cùng tăng vốn từ vựng

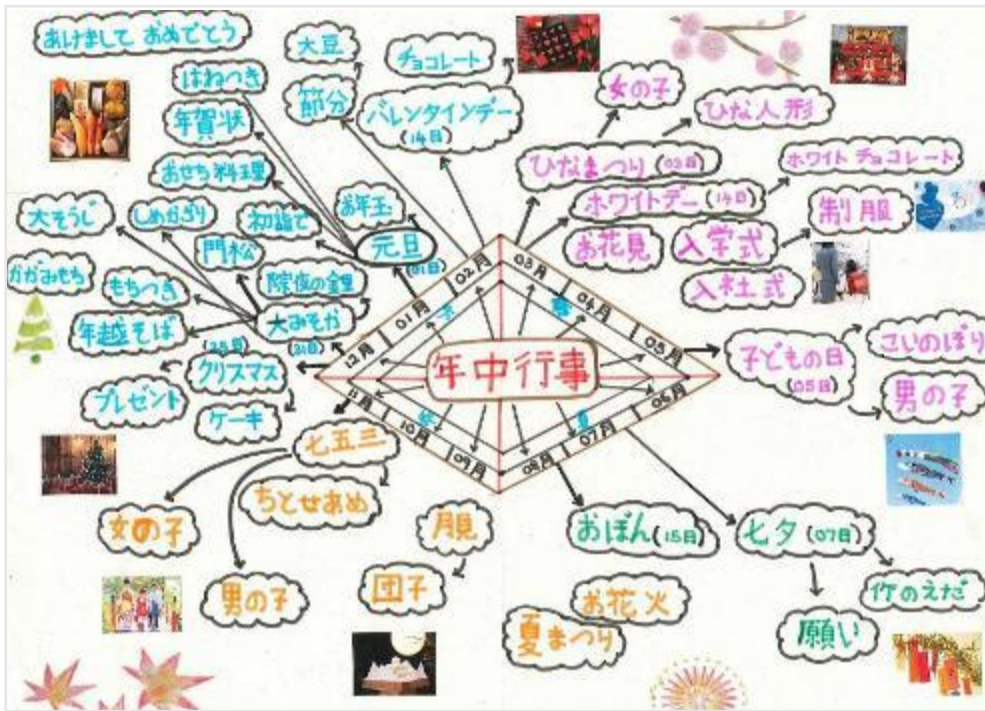
Trong việc học tiếng Nhật, từ vựng đóng vai trò vô cùng quan trọng. Năng lực về mặt từ vựng có mối liên hệ mật thiết với bất kỳ năng lực nào trong 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết). Người nói tiếng mẹ đẻ là tiếng Nhật sẽ ghi nhớ từ ngữ một cách tự nhiên trong sinh hoạt, nhưng đối với người học tiếng Nhật, họ sẽ có những giới hạn trong việc lĩnh hội tự nhiên và cần phải học tập một cách có chủ đích trên lớp. Tuy nhiên, trên các giờ học thực tế, chẳng phải ngữ pháp sẽ được chú trọng hơn trong các nội dung học ngôn ngữ, còn thời gian dành cho việc học từ vựng sẽ ít hơn hay sao. Lần này, chúng tôi xin được giới thiệu phương pháp Sơ đồ từ vựng, một trong số những phương pháp học tập có thể áp dụng một cách đơn giản trong giờ học.

Sơ đồ từ vựng là gì?

Sơ đồ từ vựng là sơ đồ khái quát, bằng cách liên tưởng những từ vựng hay biểu hiện có liên quan tới một chủ đề nhất định và kết nối chúng với nhau. Sơ đồ này được người học và giáo viên, hoặc giữa người học với nhau cùng làm ra. Từ chủ đề sẽ được viết ở chính giữa của tờ giấy, các từ vựng liên quan sẽ được liên kết bằng các đường nối.



Hình 1: Ví dụ về Sơ đồ tư vựng (Chủ đề: Mùa và thời tiết)



Hình 2: Ví dụ về Sơ đồ tư vựng (Chủ đề: Sự kiện thường niên)

Sơ đồ tư vựng ở hình 1 và hình 2 là sơ đồ do chính người học tự chọn chủ đề để viết. Giống như ở hình 1, người học sẽ không cố định một loại từ nào mà tự do suy nghĩ, viết những từ vựng mình nghĩ tới như: 「春」 (Danh từ), 「きれい」 (Tính từ), 「散歩する」 (Động từ),... Còn sơ đồ tư vựng ở hình 2 lại được tạo nên bằng cách sử dụng tranh minh họa hay hình ảnh. Các thông tin hình ảnh bằng tranh ảnh cụ thể sẽ để lại ấn tượng và kích thích trí nhớ (Paivio, 1990).

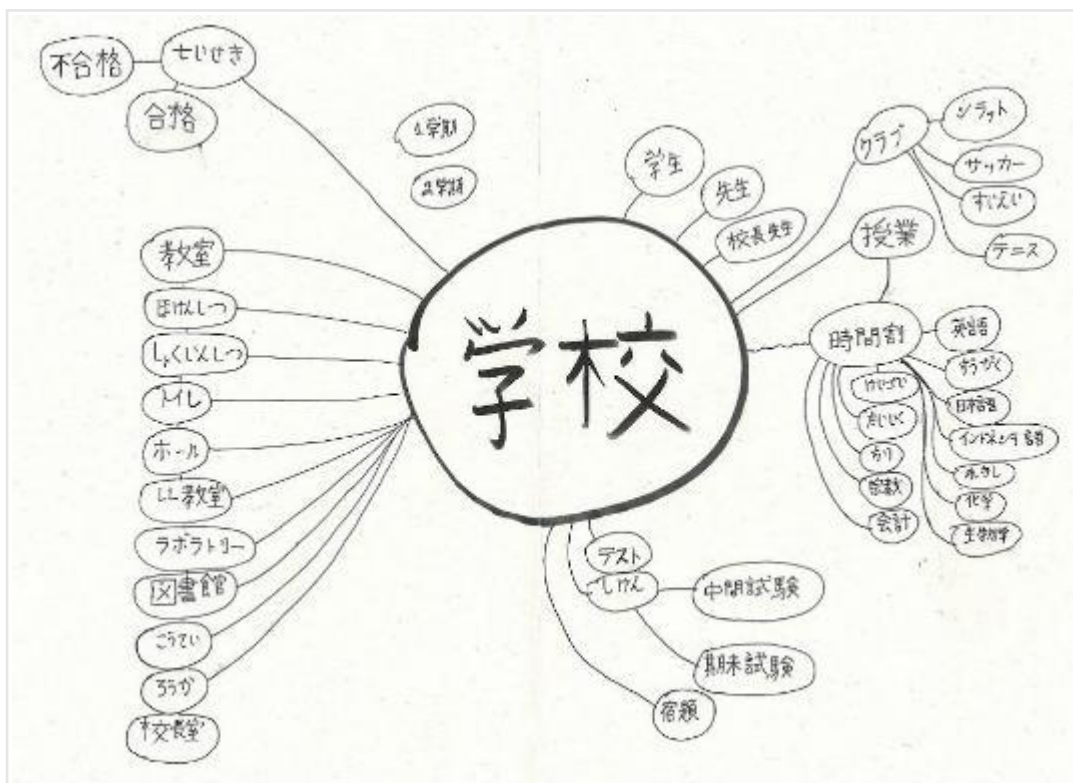
Đặc trưng của sơ đồ từ vựng

1) Có thể học được từ vựng thông qua các khái niệm ngữ nghĩa

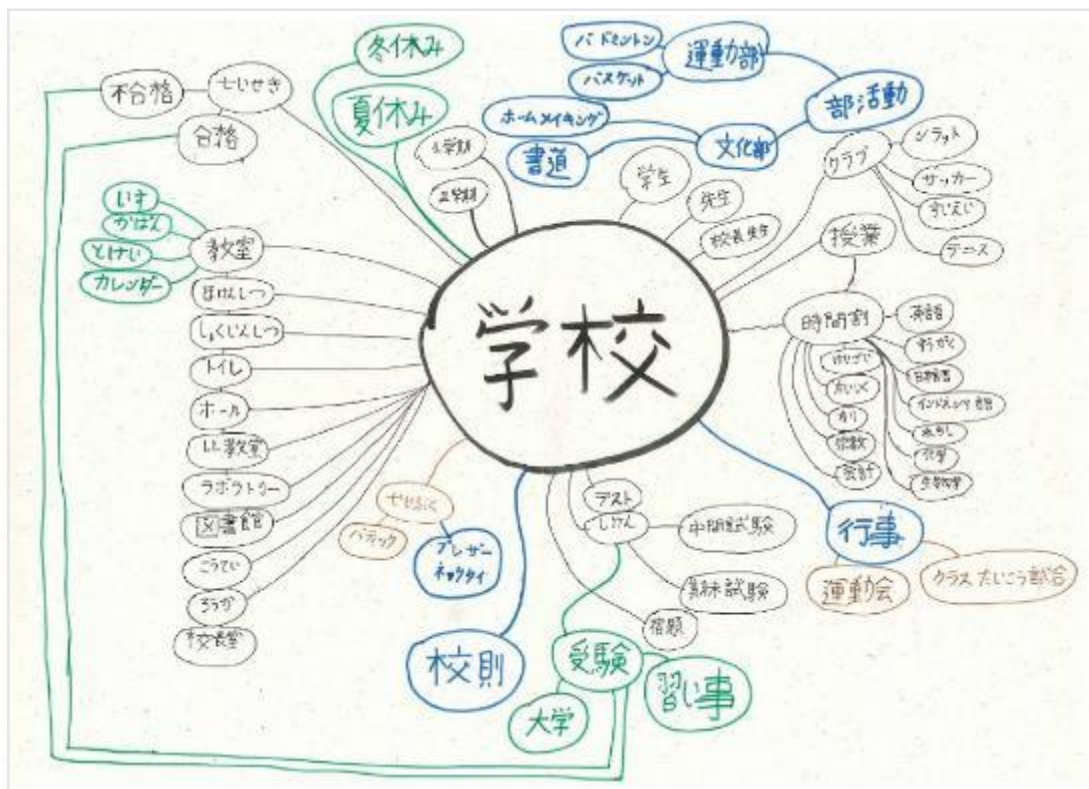
Người học sử dụng những kiến thức nền, các khái niệm sẵn có để học từ vựng tiếng Nhật. Đặc biệt là với đối tượng người học đã trưởng thành, người vốn đã có kiến thức bằng tiếng mẹ đẻ phong phú. Đầu tiên, người học có thể mở rộng khái niệm mà mình đã có trong tiếng mẹ đẻ thông qua các chủ đề cố định, sau đó khi áp dụng chúng vào từ tiếng Nhật phù hợp, người học sẽ nhớ được từ vựng mà không gặp bất cứ khó khăn nào.

2) Có thể hình dung được kiến thức về từ vựng

Người học có thể sắp xếp kiến thức từ vựng của mình, xác nhận kiến thức học được sau giờ học. Ví dụ, với trường hợp sử dụng chủ đề liên quan tới "Trường học" trong giờ học tiếng Nhật, người học sẽ được cho làm sơ đồ từ vựng về "Trường học" vào đầu giờ. Sau khi kết thúc giờ học, người học sẽ đổi màu bút, viết thêm những từ mình mới nhớ được. Khi làm như vậy, dựa trên ghi chép quá trình học tập, người học sẽ cảm nhận được rằng, "Lượng từ vựng mà mình biết đã tăng lên rồi!". Hơn nữa, về phía giáo viên cũng có thể tham khảo sơ đồ từ vựng để hướng dẫn, giải thích các từ vựng cần thiết, chỉnh sửa những lỗi sai cho người học trước mỗi giờ học.



Hình 3. Sơ đồ từ vựng đầu giờ học



Hình 4. Sơ đồ từ vựng sau giờ học

3) Mở rộng vốn từ vựng thông qua các chủ đề mà người học yêu thích, quan tâm

Niềm yêu thích và mối quan tâm của mỗi người là khác nhau, có những người yêu thích J-pop hay hoạt hình Nhật Bản, có người lại hứng thú với văn hóa truyền thống như kimono hay trà đạo. Khi cho người học viết thử sơ đồ từ vựng mà không chỉ định chủ đề, các từ vựng đa dạng dựa trên các kinh nghiệm, cảm nhận cá nhân, như "Instagram", "Sở thú", "Trải nghiệm đi du lịch của tôi" sẽ xuất hiện, thỉnh thoảng mọi người cũng sẽ học được từ người học những từ vựng mà đến người nói tiếng mẹ đẻ là tiếng Nhật cũng không biết. Như vậy, việc làm sơ đồ từ vựng thu hút hứng thú, quan tâm của người học sẽ kích thích sự tò mò của họ rằng "Vui quá!" "Tôi muốn làm thử!", và sẽ đem lại hiệu quả nâng cao động lực học tập. Sau khi làm xong sơ đồ từ vựng theo chủ đề tự do, giáo viên có thể thiết lập thời gian để giữa những người học với nhau có thể trao đổi. Người học có thể bắt gặp những từ chưa từng tiếp xúc trong đời sống hàng ngày và có khả năng giải thích những từ ngữ chuyên ngành cho đối phương một cách dễ hiểu.

Ngoài ra còn có các ưu điểm khác như: 4) Nhìn vào sơ đồ từ vựng sẽ có thể xác nhận được những từ đã học được lặp đi lặp lại, 5) Nhờ việc làm sơ đồ từ vựng, những từ mình đã biết sẽ trở thành từ mình có thể sử dụng được, 6) Có thể sử dụng sơ đồ từ vựng như một bài khởi động trước hoạt động viết văn hay giờ thảo luận (Nation, 2013).

Tiếp theo đây, hãy cùng xem ví dụ thực tiễn khi kết hợp sơ đồ từ vựng vào hoạt động viết văn của mục số 6).

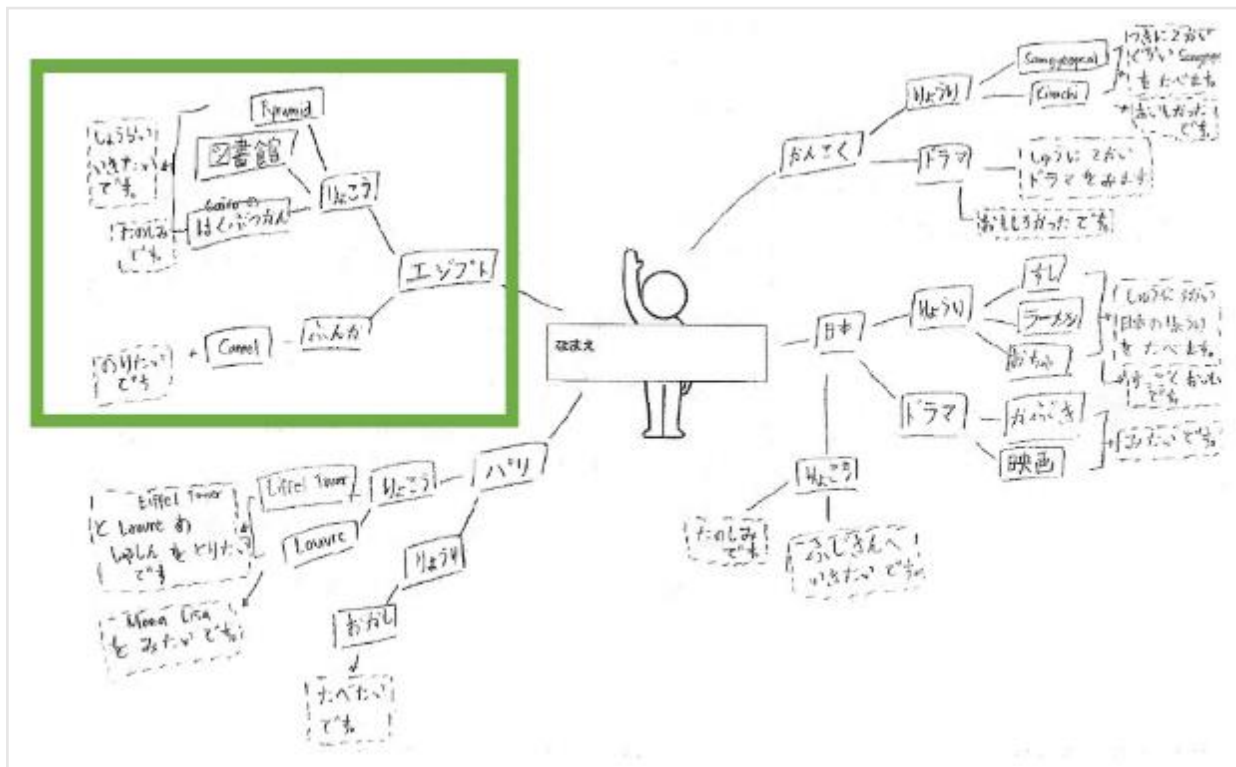
Ví dụ thực tiễn về việc kết hợp sơ đồ từ vựng vào hoạt động viết văn

Có những phương pháp sử dụng sơ đồ từ vựng như một bài khởi động của các hoạt động khai thác như (viết văn, hùng biện,...). Thực tiễn trong hoạt động viết văn cũng đã được Iijima (2015) đề cập tới. Có thể nói rằng, sơ đồ từ vựng rất ưu việt, ở chỗ người học xác nhận được từ vựng cần thiết trong các hoạt động khai thác và suy nghĩ được nội dung hay cấu tạo của bài.

Sau đây, chúng tôi xin được lấy chủ đề viết văn¹ "Tôi muốn đến Nhật vào một ngày nào đó" thuộc bài 10 trong sách "Marugoto: Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật Bản – Sơ cấp 1 A2 –Hiểu biết ngôn ngữ" làm ví dụ để giới thiệu.

1) Làm sơ đồ từ vựng

Đầu tiên, người học sẽ viết tên mình vào giữa sơ đồ từ vựng (Hình 5). Sau đó, người học sẽ viết về "Đất nước mà tôi hứng thú" "Văn hóa mà tôi hứng thú của đất nước đó" → "Việc mà tôi muốn làm ở đất nước đó" "Những cảm tưởng (về những việc đã được trải nghiệm)" và dần dần mở rộng sơ đồ từ vựng. Nhắc đến sơ đồ từ vựng, ta sẽ nghĩ đến việc chỉ mở rộng từ, nhưng đối với người học ở trình độ sơ cấp vẫn đang trong giai đoạn học đồng thời từ vựng, ngữ pháp, biểu hiện, vì vậy người học không nên viết mỗi từ vựng, mà có thể bổ sung các ngữ pháp, biểu hiện, trợ từ đã nhớ được trong bài. Ví dụ trong hình 5 có viết các từ: "Thư viện"- "Muốn được tới trong tương lai", "Camel" (Lạc đà) - "Muốn cưỡi", như vậy người học sẽ hiểu được rằng mình đang học một cách có chủ đích các biểu hiện đồng thời xuất hiện như "Danh từ + Động từ". Hơn nữa, người học sử dụng mẫu câu 「～たいです」 mới được học trong bài này, thêm vào các biểu hiện cố định như 「楽しみです」. Vì ngay từ đầu, việc viết một bài văn hoàn chỉnh là vô cùng khó, cho nên thông qua việc làm sơ đồ từ vựng, người học vừa ôn tập lại các mẫu câu và từ vựng đã học, vừa trau chuốt cấu trúc của bài văn. Nếu có từ nào không biết, đầu tiên người học sẽ viết từ bằng tiếng mẹ đẻ, sau đó có thể tra từ điển hoặc hỏi giáo viên.



Hình 5. Ví dụ sử dụng sơ đồ từ vựng trong hoạt động viết văn

2) Viết văn

Tiếp theo người học sẽ viết bài văn dựa trên sơ đồ từ vựng. Bài văn không nhất thiết phải thể hiện toàn bộ nội dung. Người học sẽ chọn ra nội dung mà mình muốn viết nhất rồi viết thành bài (Hình 6).

私は エジプト の文化に よきよみ があります。そして、エジプトの ドラマ を見たい
 したいに、旅行に行きたいです。とても 楽しみ です。
 スフィンクスとピラミッドの しんしん を見たいです。
 カイロの はくぶつかん を見たいです。
 はくぶつかんでは ほんとう に ふろく がおもしろいです。
 それから エジプトの 図書館 も見たいです。Hieroglyphics と ローマ字
 は かんがえ たいです。Hieroglyphics は よおの が おもしろい です。
 そして、Hieroglyphics を みてよみたい です。

Tôi có hứng thú với nền văn hóa Ai Cập. Tôi xem các chương trình tài liệu về Ai Cập 3 lần 1 tuần. Trong tương lai, tôi muốn được đi du lịch nơi ấy. Tôi vô cùng mong chờ. Tôi muốn chụp ảnh tượng Nhân sư và kim tự tháp. Tôi cũng muốn được đi tới viện bảo tàng Cairo. Các món đồ trong bảo tàng thật sự cổ xưa và thú vị. Sau đó, tôi cũng muốn đi tới thư viện Ai Cập. Chữ tượng hình khác hoàn toàn so với chữ Latinh. Việc đọc chữ tượng hình rất khó. Tôi muốn được nhìn và đọc chữ tượng hình.

Hình 6. Bài văn được viết dựa trên sơ đồ từ vựng ở hình 5

Những điểm cần lưu ý của sơ đồ từ vựng

Ngay trong các nghiên cứu về việc lĩnh hội ngôn ngữ thứ hai, việc liên kết từ với từ để nhớ sẽ đem lại hiệu quả, thế nhưng khi kết nối để nhớ những từ vựng mà mình vẫn chưa nắm vững với nhau, người học có thể dễ bị nhầm lẫn (Tinkham, 1997). Ví dụ như khi cố gắng nhớ tên của các loại rau củ, người học cuối cùng sẽ không hiểu đâu là "rau cải thảo" đâu là "cà rốt".

Hơn nữa, lần này chúng tôi chú trọng giới thiệu phương pháp sơ đồ từ vựng do người học làm ra, nhưng cũng có phương pháp giáo viên sẽ là người cùng trò chuyện với người học, tìm và gợi ý ra các từ vựng để làm sơ đồ. Các bạn cũng có thể tham khảo phương pháp do giáo viên hướng dẫn này ở phần Giáo trình².

Sơ đồ từ vựng là phương pháp học tập từ vựng vô cùng tiện lợi. Phương pháp này dễ hiểu theo một cách trực quan, việc học cũng sẽ trở nên vui vẻ hơn rất nhiều. Chúng tôi rất mong các bạn sẽ áp dụng phương pháp sơ đồ từ vựng này vào giờ học của mình.

Ghi chú:

1. Bản viết sakubun có thể tải xuống miễn phí tại trang web Marugoto.
< https://www.marugoto.org/download/elementary1_c/ >
2. Các cuốn giáo trình như “Goi Map de Oboeru Kanji to Goi Shokyuu 1400” (Nhớ 1400 chữ Hán và từ vựng sơ cấp bằng sơ đồ từ vựng) hay “Nihongo Goi-Ryoku Up Training” (Luyện tập nâng cao năng lực từ vựng tiếng Nhật) vô cùng hữu ích.

Tài liệu tham khảo:

- Iijima Michiko, *Goi Map o Keisaishita Kanji Kyouzai o Shiyoushite no Kanji Jugyou - Goi Shuutoku kara Sakubun e -* (Giờ học chữ Hán sử dụng giáo trình chữ Hán được đưa vào sơ đồ từ vựng - Từ việc học từ vựng đến viết văn -), “Tạp chí hội nghiên cứu việc học chữ Hán JSL” 7, năm 2015, trang 19-28.
- Quỹ giao lưu quốc tế, “Kokusai Kouryuu Kikin Nihongo Kyoujhou series 3, Moji · Goi o oshieru” (Quyển số 3 trong tuyển tập giáo dục tiếng Nhật của Quỹ giao lưu quốc tế – Giảng dạy chữ viết và từ vựng), NXB Hitsuji Shobou, năm 2011.
- Tokuhiko Yasuyo, *Goi Map o Mochiita Shokyuu Kanji Goi Kyouzai no Kaihatsu* (Khai thác giáo trình từ vựng chữ Hán sơ cấp sử dụng sơ đồ từ vựng), “Tạp chí hội nghiên cứu việc học chữ Hán JSL” 8, năm 2016, trang 15-19.
- Nation, I.S.P., *Learning vocabulary in another language. Second edition* (Học từ vựng bằng ngôn ngữ nước ngoài. Cải biên lần thứ hai), Cambridge: Cambridge University Press, năm 2013.
- Paivio, A., *Mental representations: A dual coding approach* (Biểu hiện tinh thần: Tiếp cận mã hóa kép), New York: Oxford University Press, năm 1990.
- Tinkham, T., The effect of semantic clustering on the learning of second language vocabulary (Hiệu quả của việc phân cụm ngữ nghĩa trong việc học từ vựng ngôn ngữ thứ hai), *System*, 21, năm 1993, trang 371-380.

Giáo trình tham khảo:

- Tokuhiko Yasuyo, “Goi Map de Oboeru Kanji to Goi Shokyyuu 1400”, (Ghi nhớ 1400 chữ Hán và từ vựng sơ cấp bằng sơ đồ từ vựng), NXB J Research, năm 2014.
- Kinoshita Noriaki, Mitsuhashi Asako, Maruyama Makiko, “Nihongo Goi-Ryoku Up Training”, (Luyện tập nâng cao năng lực từ vựng tiếng Nhật), NXB Ask, năm 2015.

(IKEDA Kanako / Giảng viên chuyên nhiệm – Trung tâm Quốc tế tiếng Nhật)

Bản gốc (Tiếng Nhật): Trang web của Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật bản)

「日本語教育通信」 授業のヒント 「語彙マップ」を作ってみよう！

<https://www.jpf.go.jp/j/project/japanese/teach/tsushin/hint/202003.html>